

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2023

V/v tranh chấp: " Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Trọng Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Bình, bà Đinh Thị Hân

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Xuân Tráng. Thư ký, Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương tham gia phiên toà:** Bà; **Nguyễn Thị Phương Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13/3/2023, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXX-ST, ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị; Trịnh Thị N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xóm Văn Thịnh, xã TK, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh; Văn Đình H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Xóm Văn Thịnh, xã TK, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên toà, chị Trịnh Thị N trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị N kết hôn với anh Văn Đình H, vào ngày 18/3/2009 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi quê của chị Trịnh Thị N. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại nhà nội ở xã TK, huyện Thanh Chương,

tỉnh Nghệ An, hiện tại cũng đang sống chung cùng với mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Liệu, sinh năm 1936, tại xóm Văn Thịnh, xã TK, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống tình cảm bình thường đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, nên đã phát sinh nhiều tranh cãi. Nay chị Trịnh Thị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên xin được ly hôn anh Văn Đình H.

- Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên là Văn Tuấn Phát, sinh ngày 25/9/2012 và cháu Văn Tuấn Tú, sinh ngày 21/3/2015. Ly hôn chị Trịnh Thị N xin được trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Chị Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các ý kiến đã trình bày, chị Trịnh Thị N không có thêm bất cứ yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập để công khai chứng cứ và hòa giải, anh Văn Đình H đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Trịnh Thị N, vào ngày 18/3/2009 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi quê của chị Trịnh Thị N. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại nhà nội ở xã TK, huyện Thanh Chương; năm 2018 thì anh đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản với thời hạn 03 năm, nhưng do dịch COVID 19, nên không về được; đến ngày 04/02/2023 anh mới về nước và hiện tại hai vợ chồng đang sống chung cùng với mẹ anh là bà Nguyễn Thị Liệu, sinh năm 1936, tại xóm Văn Thịnh, xã TK, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tình cảm bình thường, không có gì mâu thuẫn lớn; trong quá trình anh đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản cũng điện thoại về, thì vợ chồng cũng có nhiều khúc mắc, nguyên nhân là do vợ chịu nhiều áp lực về con cái, về công việc; có nhiều điểm vợ chồng không tương đồng, không hợp nhau trong cách nghĩ, nên đã phát sinh nhiều tranh cãi. Hôm Tết anh về nước, thì vợ chồng mâu thuẫn, vợ muốn sống ly thân, nên anh cũng chấp nhận để cho vợ được thoải mái suy nghĩ, nhưng nay thì vợ cứ khẳng khẳng đòi ly hôn; anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn và mong muốn được đoàn tụ, để nuôi dạy con cái, vì vợ chồng ly hôn thì tội con cái; vợ chồng có gì sai thì sửa, bỏ qua cho nhau mà nuôi dạy con cái, chứ bỏ nhau là tội các con. Cho nên mong vợ nghĩ lại, để đoàn tụ nuôi dạy con cái.

- Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên là Văn Tuấn Phát, sinh ngày 25/9/2012 và cháu Văn Tuấn Tú, sinh ngày 21/3/2015. Nếu đường cùng mà vợ vẫn cương quyết ly hôn, thì về con anh đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Văn Tuấn Phát.

- Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các ý kiến trên anh Văn Đình H không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Còn về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Văn Đình H; về con thì giao cháu đầu cho anh Văn Đình H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu thứ hai cho chị Trịnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản không xem xét; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn để công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn đều có mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, cho nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử bình thường theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa chị Trịnh Thị N và anh Văn Đình H, được xác lập trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/3/2009 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại quê nội ở xã TK, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống tình cảm bình thường đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, đến đầu năm 2023, khi anh Văn Đình H đi xuất khẩu lao động về nước, thì mâu thuẫn trầm trọng, nên hai người đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập để công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, chị Trịnh Thị N vẫn nhất quyết xin ly hôn, còn anh Văn Đình H thì xin được đoàn tụ; tại

phiên tòa hôm nay, chị Trịnh Thị N vẫn nhất quyết xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc xin ly hôn của chị Trịnh Thị N là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Văn Đình H.

[3] Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung tên là Văn Tuấn Phát, sinh ngày 25/9/2012 và cháu Văn Tuấn Tú, sinh ngày 21/3/2015.

Cả hai người đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của 02 người là hoàn toàn chính đáng, thể hiện tình cảm của người làm cha, làm mẹ đối với các con. Song xét thấy để đảm bảo điều kiện về mọi mặt khi nuôi dạy các con trưởng thành; thì cần giao cho anh Văn Đình H được trực tiếp nuôi cháu lớn hơn là Văn Tuấn Phát; còn giao cho chị Trịnh Thị N được nuôi cháu nhỏ hơn là Văn Tuấn Tú, là hoàn toàn phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết về phần tài sản.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Văn Đình H.

2. Về trách nhiệm nuôi con:

Giao cho anh Văn Đình H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Văn Tuấn Phát, sinh ngày 25/9/2012. Giao cho chị Trịnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Văn Tuấn Tú, sinh ngày 21/3/2015.

Hai người không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị Trịnh Thị N và anh Văn Đình H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về chia tài sản chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị N, phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí xin ly hôn. Chị Trịnh Thị N, được trừ đi 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009344, ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA dân sự
- Các đương sự
- UBND Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn